

Thứ năm, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Áp sát ngưỡng 700 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/3/2020	•		
Tuần 23/3-27/3/2020	•		
Tháng 3/2020	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong những phút đầu phiên sáng, đà hồi phục không được duy trì đã khiến VN-Index một lần nữa chìm trong sắc đỏ. Tuy nhiên lực đỡ từ hàng loạt các cổ phiếu vốn hóa lớn như VIC, VHM, VCB, VNM, SAB đã giúp thị trường tăng điểm trở lại và giữ được vận động trên mốc tham chiếu. Sự phân hóa trên toàn thị trường vẫn diễn ra và khiến cho chỉ số chưa thể lấy lại được ngưỡng 700 điểm. Khối ngoại mặc dù vẫn duy trì đà bán ròng nhưng áp lực đã giảm bớt khi giá trị bán trên cả hai sàn đạt xấp xỉ 46 tỷ đồng. BSC duy trì quan điểm hai phiên tăng điểm liên tiếp đã phần nào giải tỏa tâm lý lo sợ của nhà đầu tư, nhưng trong bối cảnh diễn biến dịch bệnh khó lường và chỉ số chưa thoát khỏi kênh giảm giá ngắn và trung hạn, nhà đầu tư nên giữ chiến lược phân bổ tỉ trọng danh mục hợp lý.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 645 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_FTSE Việt Nam 3.0%. 8/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **FTSE Việt Nam** - được kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền lớn từ các quỹ đầu tư thụ động dựa theo chỉ số FTSE - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.0%**, con số này của VNINDEX là 0.6%

Phân tích kỹ thuật: BVH_ Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.96 điểm**, đóng cửa 694.21. HNX-Index **-2.28 điểm**, đóng cửa 97.81.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+5.46); VHM (+1.83); VCB (+1.29); VNM (+1.01); SAB (+0.95)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.76); GAS (-0.74); HPG (-0.64); MWG (-0.60); TCB (-0.48)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,692 tỷ đồng**, **-12%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 20.66 điểm. Thị trường có **108 mã tăng**, 46 mã tham chiếu và **265 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **43.34 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (95.91 tỷ), VHM (36.84 tỷ) và VRE (25.28 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.26 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 694.21Giá trị: 2692.4 tỷ **3.96 (0.57%)**

Khối ngoại (ròng): -43.34 tỷ

HNX-INDEX 97.81Giá trị: 316.63 tỷ **-2.28 (-2.28%)**

Khối ngoại (ròng): -3.26 tỷ

UPCOM-INDEX 49.00Giá trị: 0.31 tỷ **-0.53 (-1.07%)**

Khối ngoại(ròng): 0.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	23.8	-2.65%
Giá vàng	1,606	-0.66%
Tỷ giá USD/VND	23,636	0.16%
Tỷ giá EUR/VND	25,755	1.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,506	1.31%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	-1.42%
LS TPCP 5 năm	2.4%	6.32%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	106.6	MSN	95.9
VIC	35.3	VHM	36.6
VCB	8.5	VRE	25.4
SAB	7.5	HPG	13.5
BID	3.7	VJC	13.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Phân tích kỹ thuật

BVH_ Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, hồi phục từ vùng bán quá.

Nhận định: BVH đang nằm trong nhịp hồi phục ngắn hạn sau khi chạm ngưỡng đáy tại vùng giá 35. Thanh khoản cổ phiếu vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu, cho thấy động lực tăng đang dần hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang báo hiệu nhịp tăng giá ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu vẫn nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn chưa hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 40, chốt lãi tại ngưỡng kháng cự cũ tại vùng giá 54-55. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 35.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 26/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Chiều 26/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	23.53	-3.88%	-9.15%	-53.00%	-59.92%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	26.35	-3.80%	-7.45%	-51.40%	-60.31%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	56.16	2.71%	-18.01%	-65.80%	-69.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1602.39	-0.90%	8.91%	-2.00%	22.87%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	14.28	-1.40%	17.79%	-20.70%	-6.18%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	873.75	-0.88%	3.62%	-1.60%	-7.29%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	576.00	-0.69%	7.66%	7.30%	11.74%		AFX
Sữa	USD /cwt	15.15	-1.50%	-0.07%	-10.40%	-4.60%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	150.90	-1.50%	-6.39%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.44	0.26%	8.03%	-22.40%	-17.70%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	129.95	3.46%	19.99%	21.60%	17.28%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	4855.00	0.85%	2.32%	-14.70%	-23.36%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3351.00	-0.39%	-0.83%	-5.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1537.50	-0.65%	-6.82%	-9.50%	-19.54%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	660.00	0.38%	0.30%	-1.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.75	2.84%	2.77%	3.00%	-17.86%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent tăng 24 US cent hay 0.9% lên 27.39 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 48 US cent hay 2% lên 24.49 USD/thùng. Giá dầu tăng tiếp trong phiên đêm qua được hỗ trợ bởi triển vọng kích thích kinh tế khổng lồ của Mỹ, ngay cả khi số liệu của chính phủ cho thấy đại dịch virus corona bắt đầu làm giảm nhu cầu nhiên liệu của Mỹ trong tuần trước.
- Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ nhu cầu xăng của Mỹ đã giảm 859,000 thùng/ngày xuống 8.8 triệu thùng/ngày trong tuần trước, tuần sụt giảm mạnh nhất kể từ tháng 9/2019. Tổng thể nhu cầu nhiên liệu giảm gần 2.1 triệu thùng/ngày trong tuần này. Dự trữ dầu thô tăng 1.6 triệu thùng, tăng tuần thứ 9 liên tiếp, và sẽ tiếp tục tăng khi nhu cầu nhiên liệu giảm và các nhà máy lọc dầu giảm hoạt động.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.1% lên 1,612 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 giảm 1.5% xuống 1,634.9 USD/ounce. Giá vàng giao ngay giao dịch thấp hơn giá vàng kỳ hạn của Mỹ là dấu hiệu thị trường này lo lắng rằng việc hạn chế đi lại bằng đường hàng không và đóng cửa nhà máy lọc dầu sẽ cản trở các chuyển vàng tới Mỹ để đáp ứng các hợp đồng.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn trên sàn ICE tăng 0.14 US cent hay 1.2% lên 11.47 US cent. Giá đường trắng kỳ hạn trên sàn London duy trì tại 338.9 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 4.35 US cent hay 3% lên 1.2995 USD/lb. Arabia được hỗ trợ từ khả năng gián đoạn xuất khẩu của Brazil vì đại dịch Covid-19 kết hợp với dự trữ của các nhà rang xay và người dùng cuối. Các đại lý cho biết dự trữ của sàn ICE đang tiếp tục giảm mạnh. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London duy trì tại 1,259 USD/tấn.

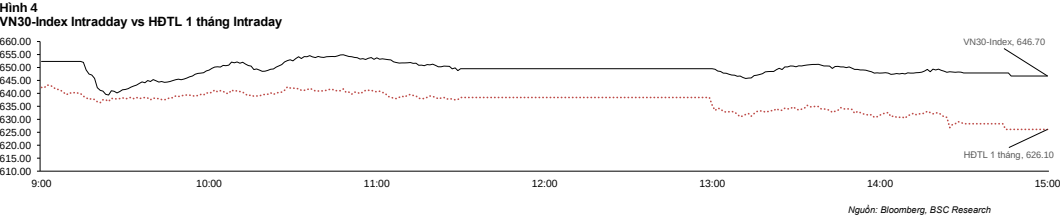
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM tăng 2.3 JPY lên 153.2 JPY (1.38 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 145 CNY lên 9,915 CNY/tấn.
- Cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng được hỗ trợ bởi hy vọng gói kích thích tài chính 2 nghìn tỷ USD của Mỹ sẽ hạn chế thiệt hại của đại dịch Covid-19 tới nền kinh tế.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 5.1% lên 665 CNY (93.97 USD)/tấn. Giá quặng sắt của Trung Quốc thay đổi ít, giảm do giữa nhu cầu thấp do hạn chế đi lại khắp thế giới để kiểm soát sự lây lan của đại dịch Covid-19 và nguồn cung của nguyên liệu thô sản xuất thép đang giảm.
- Giá quặng sắt Trung Quốc tăng do lo lắng về nguồn cung khi thêm nhiều quốc gia gồm cả các nhà sản xuất hàng đầu về nguyên liệu thô sản xuất thép ra lệnh phong tỏa để hạn chế đại dịch Covid-19. Nam Phi và Australia, nơi có các mỏ quặng sắt lớn nhất thế giới, đã áp đặt các biện pháp phong tỏa để làm chậm sự lây lan của virus corona.
- Thép thanh trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 1.5%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 0.9%.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2004	626.10	-3.42%	-20.60	4.9%	176,064	4/16/2020	21
VN30F2005	621.00	-3.41%	-25.70	-36.5%	597	5/21/2020	56
VN30F2006	620.00	-3.85%	-26.70	6.0%	193	6/18/2020	84
VN30F2009	622.80	-3.44%	-23.90	-30.8%	83	9/17/2020	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -5.61 điểm xuống mức 646.70 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, HPG, VPB, TCB, và FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên sáng xuống 640 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại vận động tích lũy quanh 645-650 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 640-650 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2004 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong ngắn hạn, điều chỉnh giảm trong trung và dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 645 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG2004	SSI	6/15/2020	81	1:1	50,240	66.2%	1.0 triệu	31.96%	13,600	1,100	80.33%	9.10	120.88
CVNM2002	KIS	12/16/2020	265	5:1	28,540	-84.8%	3.0 triệu	26.99%	3,200	1,220	12.96%	115.80	10.54
CMSN2001	KIS	12/16/2020	265	5:1	130,900	167.7%	2.0 triệu	28.98%	2,300	1,250	0.00%	206.10	6.07
CNVL2001	KIS	12/16/2020	265	4:1	12,000	n/a	2.0 triệu	18.48%	2,300	1,750	-1.13%	100.80	17.36
CSBT2001	KIS	12/16/2020	265	1:1	101,100	154.3%	2.0 triệu	29.54%	2,900	670	-1.47%	46.60	14.38
CDPM2002	KIS	12/16/2020	265	1:1	33,510	109.3%	2.0 triệu	31.96%	1,700	1,520	-3.80%	358.50	4.24
CSTB2002	KIS	12/16/2020	265	1:1	10,000	-93.8%	3.0 triệu	30.79%	1,700	1,290	-6.52%	194.10	6.65
CHDB2003	KIS	12/16/2020	265	2:1	31,170	2034.9%	2.0 triệu	29.46%	2,700	600	-9.09%	40.60	14.78
CMBB1903	SSI	4/22/2020	27	1:1	151,990	140.8%	3.0 triệu	28.17%	4,000	100	-9.09%	-	-
CHPG2003	MBS	5/4/2020	39	3:1	178,590	-58.0%	6.0 triệu	30.76%	1,570	120	-14.29%	-	-
CVIC1903	KIS	5/15/2020	50	10:1	355,010	442.6%	4.0 triệu	26.64%	1,430	50	-16.67%	-	-
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	118	1:1	100	-98.6%	1.5 triệu	33.74%	2,200	2,000	-16.67%	753.50	2.65
CHDB2001	KIS	6/19/2020	85	2:1	476,250	366246.2%	5.0 triệu	29.46%	2,000	120	-20.00%	3.60	33.33
CROS2001	KIS	6/19/2020	85	4:1	271,600	-37.5%	10.0 triệu	56.19%	1,500	40	-20.00%	-	-
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	29	5:1	117,810	-65.9%	2.0 triệu	29.90%	2,200	80	-20.00%	-	-
CVPB2001	HSC	6/22/2020	88	2:1	174,750	970.1%	5.0 triệu	33.74%	1,500	1,190	-23.23%	607.60	1.96
CSTB2001	KIS	6/19/2020	85	1:1	309,780	17.3%	5.0 triệu	30.79%	1,500	450	-26.23%	41.90	10.74
CFPT1908	MBS	6/17/2020	83	3:1	91,850	32.9%	2.4 triệu	27.49%	3,150	420	-26.32%	70.30	5.97
CVPB2004	SSI	5/14/2020	49	1:1	426,090	121.2%	3.0 triệu	33.74%	4,100	330	-26.67%	64.00	5.16
CVRE2002	HSC	6/22/2020	88	4:1	906,750	1351.7%	5.0 triệu	33.33%	1,400	70	-30.00%	0.80	87.50
CMBB2001	HSC	6/22/2020	88	2:1	540,560	1637.0%	5.0 triệu	28.17%	1,600	140	-41.67%	4.10	34.15
Tổng:					4,398,590		73.90 triệu	30.97%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/03/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CMWG2004 và CVNM2002 tăng mạnh lần lượt là 80.33% và 12.96%. Trái lại, CVPB2001 và CVPB2003 giảm mạnh lần lượt là -23.23% và -16.67%. Giá trị giao dịch tăng 31.34%. CVRE2002 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.44% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2003 và CDPM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	81.80	6.93	3.33
VNM	94.00	2.17	1.51
HPM	61.00	3.21	0.97
VRE	20.00	5.82	0.62
VCB	63.20	1.94	0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	68.0	-6.85	-2.01
HPG	17.0	-4.78	-1.92
VPB	19.6	-3.45	-1.63
TCB	16.1	-3.01	-1.55
FPT	44.2	-3.91	-1.33

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2004	24,100	10,500	68,000
CVNM2002	157,111	141,111	94,000
CMSN2001	77,289	65,789	49,000
CNVL2001	75,088	65,888	51,800
CSBT2001	24,011	21,111	12,700
CDPM2002	16,952	15,252	11,550
CSTB2002	13,588	11,888	8,700
CHDB2003	37,523	32,123	19,600
CMBB1903	26,000	22,000	15,050
CHPG2003	26,810	22,100	16,950
CVIC1903	137,300	123,000	81,800
CVPB2003	24,200	22,000	19,600
CHDB2001	33,099	29,099	19,600
CROS2001	32,468	26,468	3,990
CPNJ2001	94,500	83,500	53,800
CVPB2001	23,000	20,000	19,600
CSTB2001	12,499	10,999	8,700
CFPT1908	63,450	54,000	44,200
CVPB2004	28,100	24,000	19,600
CVRE2002	37,600	32,000	20,000
CMBB2001	24,200	21,000	15,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	68.0	-6.8%	1.0	1,339	6.4	8,655	7.9	2.5	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	53.8	-2.0%	1.3	527	2.6	5,361	10.0	2.6	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	39.5	6.9%	1.4	1,275	2.3	1,632	24.2	1.5	29.0%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	27.5	-1.4%	0.6	276	0.0	2,623	10.5	0.9	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	81.8	6.9%	0.9	12,030	4.3	2,268	36.1	3.6	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	20.0	5.8%	1.1	1,976	3.9	1,253	16.0	1.7	32.3%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.8	-0.6%	0.8	2,184	0.5	3,552	14.6	2.3	6.1%	16.6%
REE	Bất động sản	28.4	-2.9%	0.9	382	0.4	5,287	5.4	0.8	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.4	-4.1%	1.5	212	0.4	2,850	3.3	0.7	42.7%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.0	-3.0%	1.3	292	0.7	1,787	7.2	0.7	52.0%	9.9%
VCI	Chứng khoán	15.9	-0.9%	1.0	114	0.1	4,218	3.8	0.6	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	12.7	-4.9%	1.7	169	0.9	1,421	8.9	0.9	54.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	44.2	-3.9%	0.8	1,303	4.6	4,631	9.5	2.1	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	39.1	0.0%	0.4	423	0.0	4,812	8.1	2.1	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	58.7	-2.3%	1.5	4,885	1.5	6,096	9.6	2.3	3.5%	25.5%
PLX	Dầu khí	39.5	-1.6%	1.5	2,043	0.7	3,495	11.3	2.0	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.2	-3.8%	1.5	212	1.5	1,529	6.7	0.4	17.5%	6.2%
BSR	Dầu khí	5.5	-3.5%	0.8	741	0.4	898	6.1	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	82.5	2.1%	0.6	469	0.1	4,668	17.7	3.2	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.6	-0.4%	0.6	197	0.2	774	14.9	0.6	18.2%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.7	-1.7%	0.5	131	0.1	600	9.5	0.5	1.8%	5.2%
VCB	Ngân hàng	63.2	1.9%	1.3	10,191	4.1	5,003	12.6	2.9	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	33.3	0.3%	1.6	5,823	1.7	2,366	14.1	1.8	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	18.8	-3.8%	1.3	3,043	4.3	2,541	7.4	0.9	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	19.6	-3.4%	1.2	2,077	2.6	3,379	5.8	1.1	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.1	-3.8%	1.1	1,578	3.1	3,476	4.3	0.9	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	19.7	-3.9%	1.1	1,419	3.2	3,694	5.3	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	35.3	0.4%	0.9	126	0.4	5,165	6.8	1.2	79.2%	17.2%
NTP	Nhựa	27.5	-0.4%	0.3	117	0.0	4,167	6.6	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	17.0	-4.8%	1.0	2,035	6.4	2,588	6.5	1.0	37.0%	17.1%
HSG	Thép	4.9	-6.3%	1.7	90	0.7	1,161	4.2	0.4	17.7%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	94.0	2.2%	0.7	7,117	10.4	5,478	17.2	6.0	58.6%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	125.0	4.2%	0.8	3,485	1.0	7,477	16.7	4.3	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.0	-0.2%	0.9	2,490	5.9	4,772	10.3	1.3	37.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	12.7	6.7%	0.7	324	0.7	508	25.0	1.1	6.0%	4.4%
ACV	Vận tải	44.3	-5.3%	0.8	4,193	0.3	2,630	16.8	3.1	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	97.0	-0.1%	1.1	2,209	0.9	7,889	12.3	3.3	18.8%	28.7%
HVN	Vận tải	19.4	0.3%	1.7	1,193	0.5	1,640	11.8	1.5	9.7%	12.8%
GMD	Vận tải	15.9	-2.5%	0.9	205	0.1	1,595	10.0	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	8.0	-1.5%	0.9	98	0.3	2,421	3.3	0.5	29.2%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	52.5	-3.7%	1.1	365	0.6	8,824	5.9	2.4	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	14.1	0.0%	0.7	275	0.1	1,453	9.7	1.0	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.9	0.0%	0.8	181	0.0	1,941	5.6	0.8	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	51.8	-2.3%	1.1	172	0.2	8,858	5.8	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.5	0.0%	0.7	471	0.2	1,567	15.6	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.5	-6.8%	0.4	199	0.3	2,769	6.7	0.8	48.0%	12.9%
POW	Điện	7.6	-3.2%	0.6	774	0.7	1,064	7.1	0.7	12.4%	9.7%
NT2	Điện	16.7	-0.9%	0.6	208	0.3	2,560	6.5	1.2	17.8%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	81.80	6.93	5.12	1.24MLN
VHM	61.00	3.21	1.82	2.02MLN
VCB	63.20	1.94	1.27	1.48MLN
VNM	94.00	2.17	1.00	2.56MLN
SAB	125.00	4.17	0.92	188080.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	101.00	8.25	0.07	200.00
PTI	16.60	9.93	0.03	531000.00
TIG	5.10	8.51	0.03	1.12MLN
BCF	55.00	3.77	0.02	100.00
SHN	8.90	1.14	0.01	77500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	0.00	-0.80	5.12MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.77	564130.00	607060.00
HPG	0.00	-0.67	8.51MLN	373600.00
MWG	-0.01	-0.65	2.12MLN	192700.00
TCB	0.00	-0.50	1.49MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	19.70	-3.90	-1.28	3.63MLN
SHB	12.50	-1.57	-0.27	4.01MLN
PVS	10.20	-3.77	-0.10	3.29MLN
NVB	8.40	-2.33	-0.08	2.74MLN
VCS	52.50	-3.67	-0.07	237900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	52.00	7.00	0.03	44330.00
CMV	18.40	6.98	0.00	50.00
SCD	23.00	6.98	0.00	10030.00
VIC	81.80	6.93	5.12	1.24MLN
ABS	19.30	6.93	0.01	198820.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	3300.00
ACM	0.60	20.0	0.01	350700.00
HKB	0.70	16.7	0.00	120900.00
FID	1.00	11.1	0.00	3500.00
NHC	35.20	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCD	9.30	-7.00	-0.01	10.00
ROS	3.99	-6.99	-0.05	11.07MLN
HSL	4.14	-6.97	0.00	87790.00
AST	42.75	-6.96	-0.04	62510.00
SGR	14.70	-6.96	-0.01	3960.00

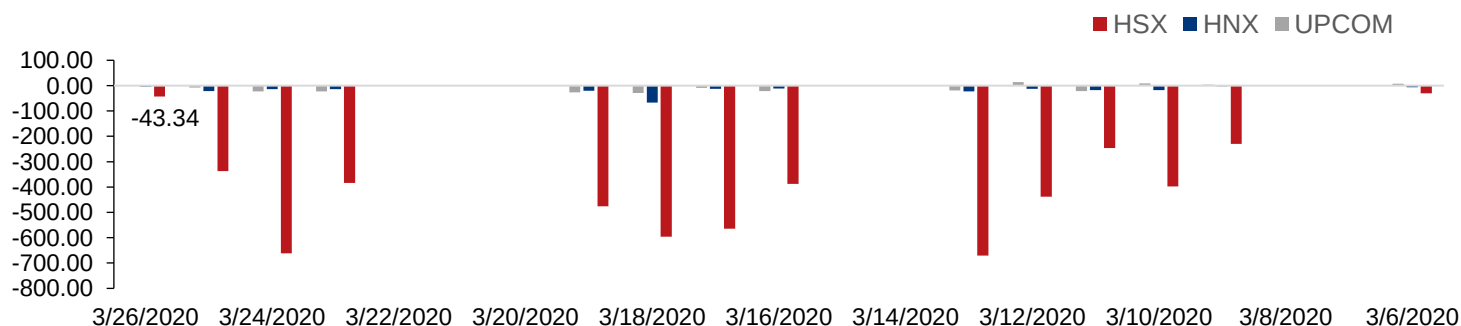
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ICG	6.70	-18.29	-0.02	6200.00
BII	0.60	-14.29	0.00	27700.00
VIG	0.60	-14.29	0.00	144000.00
DNC	54.00	-10.00	-0.01	100.00
PJC	27.00	-10.00	-0.01	300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	15.9	1,595	10.0	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	19.7	3,694	5.3	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.1	1,820	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	125.0	7,477	16.7	4.3	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	19.4	1,688	11.5	1.4	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	94.0	5,478	17.2	6.0	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.4	2,690	3.8	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	68.0	8,655	7.9	2.5	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	23.0	7,380	3.1	0.9	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	44.2	4,631	9.5	2.1	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.6	2,109	7.9	1.2	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	18.4	3,897	4.7	0.8	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	82.5	4,668	17.7	3.2	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.6	4,313	5.2	1.1	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	53.8	5,361	10.0	2.6	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	8.0	2,421	3.3	0.5	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	140.7	14,782	9.5	3.9	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	8.2	0	22.9	0.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	68.0	8,655	7.9	2.5	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	19.7	3,694	5.3	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x và (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc giảm trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn